

ĐÔI NÉT VỀ THIỀN CÔNG-ÁN

Nhuận-Bảo

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 4-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

I.

Trước hết xin nói rõ, ở đây chúng tôi không mong làm cái việc khờ khạo, nguy hiểm và đáng chê trách như là những kẻ cầm còi chạy trước đầu xe. Bởi việc làm đó chẳng những vô bổ đã đành, mà còn có hại cho tự thân và những người can hệ, tức các bạn đồng tu và những người đang nghiên cứu về Thiền học, đặc biệt những người bắt đầu có hứng thú với pháp tham công án Thiền.

Có nghĩa là, tuy đề tài có liên quan đến Thiền, đến Đạo, nhưng nội dung của bài viết hoàn toàn không mong lý-giải ý Đạo, ý Thiền hòng thổ mãn tham vọng hiểu biết không thấy chán của người đời, hay mong muốn lấp đầy tri thức sanh diệt cho sự tò mò của người học đạo. Những việc làm ngốc nghếch đó, trước hết chẳng đem lại ích lợi gì cho sự đạt ngộ của người thật sự cầu đạo giải thoát, cũng như chẳng dính dáng gì tới bản chất và mục đích tối thượng của công án.

Bởi một sự thật quá rõ ràng là, **công án là tinh ba cốt tuỷ của Thiền được vận dụng thành lời**, thành hành động vượt thoát nhị nguyên nhơn quả, nên tự thân nó và công năng kỳ đặc của nó cũng không nằm ngoài bản chất thanh tịnh tuyệt đối, vô ngôn, "**biết rõ ràng nói không thể tới**" của Thiền học. Điều ấy có nghĩa, tuy nó cũng là ngôn ngữ, là hành động nhưng chúng ta không thể hiểu nó bằng tư duy, phân biệt hay suy lường, mà chỉ có thể thâm nhập nó, "**biết**" nó bằng trực giác. Thế nên **những công án Thiền không phải là đối tượng để cho chúng ta có thể tiếp cận hay hiểu nó bằng cảm quan, tình thức, bằng học vấn, suy tư hoặc có thể mổ xẻ, lý giải bằng ngôn ngữ, văn tự theo cách hiểu thông thường**. Nghĩa là những Thiền ngữ này, tức phương tiện khai thị của các Thiền-sư hoàn toàn chẳng giống như những bài toán, những luận đề hay là những lý thuyết khoa học

mà con người có thể biện biệt, phân tích, luận bàn đúng sai phải trái, để rồi dẫn đến một kết luận tương đối hay cho ra một đáp án khả dĩ số đông chấp nhận được. Bản chất và công năng của Công án Thiền hoàn toàn không phải như thế.

Có nghĩa là, với tánh sáng tịnh-thanh "vô nhứt vật", dù chỉ mảy may khái niệm cũng không có chỗ đứng, không chỗ dính dấp tới cảnh giới Thiền, nhưng cũng ngay đây, đức Phật và tiếp nối sau đó là chư Tổ Thiền-tông đã vận dụng trí huệ giải thoát và sức biện tài không thể nghĩ bàn lên ngôn ngữ và hành động vượt thoát khái niệm nhị nguyên một cách tài tình để ứng dụng thành phương tiện độc đáo mà độ người. Đó là thứ ngôn ngữ, hành động xuất sanh từ cảnh giới tự chứng, vượt tri kiến, lìa đối đãi nhơn quả, có công năng vừa chặn lấp, đánh đổ, triệt tiêu toàn bộ mọi góc ngách có thể nghĩ ngợi, suy lường bằng thế trí của người đối diện, vừa kích thích sự phát huy mạnh mẽ tiềm năng trực giác, vừa cùng lúc biết khai mở lối thoát đúng thời điểm cho trực giác phóng xuất; ngay đó tánh thấy biết bỗng lai bùng vỡ, cũng là hốt nhiên ngộ nhập bản thể .

Một hôm ngoại đạo mang hoa đến dâng Phật, thỉnh Phật khai thị.

Phật bảo : - Buông hoa xuống.

Ngoại đạo buông hoa.

Phật lại bảo : - Buông tay xuống.

Ngoại đạo buông tay.

Phật dạy tiếp : Buông thân xuống.

Ngoại đạo đang lừng khừng, lưỡng lự.

Phật quở : Không buông được thì gánh lên đi.

Vừa chột nghe, ngoại đạo hốt nhiên đại ngộ.

Thiền ngữ của các bậc giải thoát như mây bay, như gió thổi, như sấm sét, như mưa rào, chột đến, chột đi, thoát biến, thoát hiện, không từ một góc gác, một trụ xứ nào, khiến không một mảy may tình tướng, tri thức có thể nắm bắt, nương vin. Tuy căn cơ, trí tuệ, và đặc biệt là phước duyên sâu dày của từng người cầu đạo đối với pháp môn này mà ngay trong chỗ biến hóa khôn lường của từng lời vượt thoát kia vừa chột lia miệng Tổ, thiền ngữ tự có công năng kỳ đặc, nhiệm mầu, kích thích sự khai mở tuệ nhãn một cách tích cực, hiệu quả tức thì.

Trong thời Chánh-pháp, sau khi đức Phật nhập diệt, một hôm, ngài A-Nan hỏi Tổ Ca-Điếp:

- Bạch Sư huynh ! Khi Thế-tôn phó chúc và truyền y kim tuyến cho Sư

huynh, còn có pháp gì truyền riêng nữa chăng ?

Tổ Ca-Điếp liền gọi :

- A-Nan !

Ngài A-Nan ứng thính :

- Dạ !

Tổ Ca-Điếp bảo :

- Trời chiều rồi, đem cây chống cửa vào.

Vừa chọt nghe, ngài A-Nan liền tỏ ngộ.

Lời khai thị của các Ngài đôi khi như chẳng dính dấp gì tới cái đích hỏi của người cầu đạo. Thế nhưng nếu là người lanh cơ, trực giác mạnh mẽ, có thể liền ngay đó bắt nhịp cùng hòa "một" với các Ngài, thì con đường sống tức khắc mở toang trước mắt.

Một ông Tăng hỏi ngài Triệu-Châu :

- Con mới vào chùa, xin Ngài chỉ dạy:

Sư hỏi :

- Ăn cháo chưa ?

Ông ta đáp :

- Ăn cháo rồi.

Sư nói :

- Rửa bát đi.

Vừa chọt nghe, ông Tăng liền tỏ ngộ.

Chánh pháp Nhãn tạng của đức Phật, còn được gọi là Thiên tông. Tổ sư Bồ đề Đạt ma, vị Tổ thứ 23 của Thiên-tông Thiên trúc, đã đem Chánh-pháp này truyền sang đất nước Trung-hoa. Ngài được tôn xưng là Sơ-tổ của Thiên tông Trung-hoa. Tông này sau đó được Tổ Tổ trao truyền, tiếp nối xiềng dương, chẳng những phát triển mạnh mẽ trong nước mà còn lan toả đến các quốc gia lân cận như Nhật bản, Triều tiên, Việt-nam suốt một thời gian dài, ảnh hưởng đến tận ngày nay.

Ở Việt-nam, vào đời nhà Trần, nhất là dưới thời của Điều-Ngự Giác-Hoàng Trần-Nhân Tông trụ thế và giáo hóa, chánh pháp này được nhiều người tu học, nhiều người đắc pháp và có thể nói, đó là đỉnh cao, là thời kỳ cực thịnh của Thiên-tông Việt-nam nói riêng và Thiên học Phật giáo nói chung.

Công án Thiên mà chúng ta đang đề cập, chính là Thiên ngữ của các bậc đắc pháp ngày xưa (Trung-hoa và Việt-nam) được những bậc thầy của Tông môn này sưu tầm, kết tập lại để dạy người đời sau tham thiền, tu học .

Trong bài viết này, chúng tôi không đá động gì đến nội dung, cũng là tinh ba sống động của công án Thiền. Điều ấy có nghĩa là, chúng tôi đủ sáng suốt để biết rằng, không đại gì mà tự nhiên gây nghiệp oan gia cho chính mình, chẳng khác cầm còi chạy trước đầu xe như đã cảnh giác ở trên. Bởi một điều quá dễ hiểu, là tự thân công án chẳng khác viên Ma-ni bảo châu sáng trong, óng ánh, tùy ở từng vị trí khác nhau của ánh mắt hướng về nó mà tự nó phản quang, chiếu diệu muôn màu muôn vẻ khác nhau. Không có tia sáng và màu sắc của một góc cạnh nào giống tia sáng và màu sắc của một góc cạnh nào, mà tự nó luôn luôn đổi khác, luôn luôn mới lạ, luôn luôn sai biệt nhau, tùy thời và điểm nhỏ nhất của từng ánh mắt hướng về nó. Cho nên chúng ta hãy cứ lắng lặng, yên ổn, thông thả và kiên nhẫn mà ngắm nghía, chiêm ngưỡng nó trong từng mỗi góc độ nhỏ nhất; nếu biết đem hết thân tâm hòa quyện vào nó, miệt mài không rời lia, không dừng nghỉ, cho đến một lúc nào đó tròn duyên, hạnh lành kia chuyển thành công đức, vâng, công đức, nhưng phải nói là công đức hy hữu mới xứng, tức bất giác tự làm "một" cùng nó. Tới chừng đó, nó chẳng còn là nó đối với ta nữa, ta cũng chẳng còn là ta đối với nó nữa, mà nó là ta, ta là nó, không phải hai, không phải khác mà là nhưt hợp tướng; nói nhất hợp tướng cũng chỉ là cách mượn ngôn ngữ để tạm gọi cái chỗ "một" tuyệt đối nói không thể tới, an ổn, tịch lặng, sáng trong, bất động, tùy duyên thị hiện khắp cõi ba thời, mà chợt nhìn lại, không chôn đi về.

Một khi tánh thấy biết bừng sáng, tức con mắt đạo học khai mở, thì tự mỗi người liền nhận ra cái thấy biết vừa khám phá đan xen với cái thấy biết thường tình trước đây, thông lưu vô ngại nhau. Cũng ngay đó, liền tự biết như thật, vạn pháp trước mắt và cả cái thân tâm đang động tay, múa chân, nghĩ suy, nói nín này, cũng như cái thấy biết thường tình trước đây đều là chỗ dụng, là cái bóng của tánh biết tuyệt đối. Tất cả những sắc tướng mà một sát na trước, với con mắt và cái biết thường tình, ta cho là thật có, thì một sát na sau, bằng tánh biết tuyệt đối, tự biết như thật, tất cả đều như huyễn, như hoá, không phải thật có; thật tướng của chúng là không; tánh biết sáng suốt tuyệt đối mới là bản thể chơn thật, tự tại, phi sanh diệt, cũng là pháp thân thường trụ.

Lời nói và động tác có tính cách giáo hoá của những người vừa được khai thị, đều chơn thật, vì nó xuất sanh từ tánh biết tuyệt đối, vượt lìa khái niệm, cũng tức là từ cảnh giới Thiền, trong trẻo, chơn như, vô ngã, vô sở đắc, vô sở trụ nên người bình thường khó cùng bắt nhịp, nghĩa là không sao hiểu được. Thế là đối với cái thấy biết của người bình thường, những lời nói, những hành động vượt thoát kia lại trở thành những công án.

Ngày xưa, thiên sinh học đạo may mắn hơn chúng ta ngày nay rất nhiều, đó là được chư Tổ Thiên-tông đặc pháp dẫn dắt trong các Thiền đường, trực tiếp, mặt đối mặt, nên số người đặc pháp, theo Thiền sử, cũng không phải nhỏ, bởi đó là thời kỳ cực thịnh của Thiền học. Còn ngày nay, chúng ta chỉ biết dựa vào lời dạy của người xưa, được gọi là công án Thiền, tức tham học lại những thiên ngữ còn ghi trong sử sách, song song với việc nghiên cứu kinh điển Đại thừa, để tự tham tự tu là chính. Không biết cách tu học như thế có phải là Thiên-Giáo song tu như người ta thường nói đến chăng?

Đôi khi cũng có ngoại lệ, đó là những người may mắn hơn nhờ duyên phước sâu dày, có thể gặp được các bậc đặc pháp của Tông-môn này trực tiếp dẫn dắt, thì sự đạt ngộ có thể nhanh chóng hơn những người trên kia. Nhưng điều này phải nói là rất hiếm, vì các Thiền sư đến đi thường ít lưu dấu, nên cũng khó có cơ duyên để nhận biết mà cầu học. Có lẽ đó là tình trạng thật tế của Tông Thiền tại thời điểm này nói chung, cũng như pháp tu tham công án Thiền nói riêng chăng?

Chư Tổ đã tịch diệt nhưng tâm từ thương xót chúng sinh thì xuyên suốt không gian và trùm khắp ba thời, nên đã gìn lòng tốt lưu lại cho thế gian những báu vật vô ngần, tức những công án kia. Phận làm con cháu các Ngài, chúng ta nên biết trân trọng, giữ gìn cái vốn quý ấy như gìn giữ viên bảo châu Ma-ni, để luôn luôn được trong sáng, mới mẻ, lúc nào cũng tinh nguyên, không sức mẻ, hoen ố. Có làm được như thế, những hàng hậu bối tiếp bước chúng ta trên con đường tu học theo Chánh-pháp Nhân tạng của đức Phật chắc chắn sẽ cảm kích và biết ơn chúng ta lắm lắm.

---o0o---

II.

Bản thể của Thiền là tuyệt đối, vô ngã, vô sở đắc. Và dưới con mắt của Thiền học, chơn lý tối thượng này hiển bày, đó là bản tánh chơn thật của mọi hiện tượng trên đầu, dưới chân, sau lưng, trước mắt đều "**không**", cũng là như thiết pháp vô ngã, tánh vô tự tánh. Bởi thế cho nên, để hiểu Thiền thế nào cho đúng "**nư tánh nó là**", cũng có nghĩa là để **quay trở về lại bản tánh tự thủy tuyệt đối, vô ngã, chơn thường, vô sở đắc** thì chúng ta chỉ có một cách duy nhất là phải cùng nó dung thông, vô ngại nhau; hay nói rõ hơn, chỉ có thể cùng nó tự "**một**" ngay khi nào trạng thái tinh thần đạt tới "**vô ngã**" như bản tánh nó là.

Đã gọi là tự tánh thì tánh này cùng ta (thân tâm này) chỉ một. Sống chơn thật "**một**" trong chính nó, đó là cuộc sống Thiền, là an trú pháp thân thường trụ, là không rời lia tự tánh Phật, là sống với tánh biết tuyệt đối, chơn thật, vô ngã, nhứt như. Mà đã gọi là tuyệt đối, vô ngã, nhứt như, thì làm gì có đối tượng để mà dụng ngôn, nghĩ tưởng, hay tiếp cận tới được. Thế nên tới chỗ này thì cũng là ngay sát na đó tự thể vắng lặng, bất ngôn ngữ, lia tình tưởng, tri thức, cũng là ở trong trạng thái "**vô**", **vô ngã, vô chấp, vô phân biệt**. Hay nói ngược lại, để trở về bản thể uyên nguyên, thì người tu Phật, đặc biệt là những người căn cơ trí tuệ vào hàng trung thượng, đang cầu học theo Chánh pháp Nhãn-tạng của Thế-tôn, trước khi dụng công tham học, cần biết **buông xả thân tâm cho thư thái, khiến cái tâm đang ở trạng thái "có", tức cái tâm ràng buộc "hữu-vô" đối đãi, trở thành cái tâm "hư", rỗng rang, nghe nhìn không phân biệt**. Ngay ở trạng thái tâm thể này mà dụng công tham học Công-án Thiền, lại may mắn có được bậc đặc pháp trực tiếp dẫn dắt, đến lúc hạnh lành tròn duyên, ắc đôn ngộ bản thể tuyệt đối một cách diệu kỳ, không ngờ được.

Trong Pháp-Bảo Đàn kinh, có đoạn miêu tả việc tu sĩ Huệ-Minh đánh lễ và thưa hỏi ngài Huệ-Năng, lúc Ngài còn chưa thọ cụ túc giới và đang trên đường bôn tẩu để tránh bị truy sát.

Giữa chốn núi non, tu sĩ Huệ-Minh thưa thỉnh

- Xin Hành-giả thuyết pháp cho tôi nghe.

Huệ-Năng nói :

- Người đã vì pháp đến đây thì phải dẹp hết các duyên, chớ sanh một niệm nào, ta sẽ thuyết cho người nghe.

Tu sĩ Huệ-Minh tịnh tâm giây lâu, Huệ Năng liền nói :

- "Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính trong lúc đó, thế nào là bỏn lai diện mục của Minh thượng toạ?"

Tu-sĩ Huệ-Minh chợt nghe, liền đại ngộ.

Do thể trí và ngôn ngữ không thể tiếp cận được tới chỗ ảo diệu của bản thể tuyệt đối, như hư như thật, như có như không, nên nói "một" cũng chỉ là cách quyền biến mượn lời tạm gọi mà thôi. Tự trong "một", tánh và tướng đan xen vô ngại nhau, nghĩa là cái tướng động tay, múa chân, đứng ngồi, nghĩ suy, nói nín này là cái bóng, là chỗ dụng của thể tánh kia, như cái thấy của con mắt. Cái thấy ẩn tàng trong con mắt, nhìn thấy khắp mọi vật nhưng lại chẳng thể thấy chính "cái thấy" của nó. Giả như bất giác có lúc nào đó, cái thấy của con mắt tự nhìn vào trong hốt nhiên thấy được "**cái thấy**" của chính nó, cũng là tánh thấy, thì ngay đó hết chỗ nói. Hai cái "sự thấy và tánh

thấy" đã "nhứt như", thể và dụng của nó đan xen làm một, dung thông, vô ngại, mà trong đây, nói một cũng thiết chẳng phải một, chẳng phải hai, cũng không phải khác, không thể mở miệng, hay suy lường, nghĩ tưởng tới được. Đó chính là "sắc tức thị không, không tức thị sắc, sắc bất dị không, không bất dị sắc" mà đức Phật đã tán thán ngài Quán-thế Âm Bồ-tát có chỗ thấy biết sáng suốt, chơn thật, tuyệt đối sau khi hành trì pháp Bát-nhã Ba-la-mật (Trí-Huệ Giải thoát) đến chỗ sâu rộng không thể nghĩ bàn.

Tri thức, tình tưởng, giác quan của chúng ta đối với tánh biết sáng suốt này cũng vậy, đan xen nhau làm một, dung thông vô ngại như nước với sữa. Sáng tánh biết thì biết rõ ràng mà nói không thể tới, vì tự thể là một nhất hợp tướng, nhưng chẳng phải thiết một, không phải hai cũng không phải khác. Còn một khi đã mở miệng được thì chẳng phải thật sự "đang-là" một trong nó. Bởi vậy, chợt khởi niệm, hay nghĩ suy, phân biệt thì liền cùng tánh biết chia lìa, là trăm sai, ngàn khác, biệt mù xa cách.

Cho nên, những ai có ý nghĩ dùng tri thức phân biệt, dù là tri thức bác học đi nữa để mong tiếp cận, giảng giải, luận bàn đúng sai, phải trái các công án Thiền thì cũng có nghĩa là trong chỗ vô tình vì thiếu hiểu biết, hay cố ý vì muốn làm lớn thêm danh tướng của bản ngã, muốn chứng tỏ cái sở học của mình, thì việc làm này khiến tự mình càng xa lìa, càng đánh mất bản thể chơn thật của chính mình.

Như trên đã nói, không thể coi Thiền như là một đối tượng, nghĩa là nó không phải là một sự, một vật có hình tướng cụ thể nào, hoặc một ý niệm trừu tượng nào là hai là khác đối với "ta" để có thể mừng tượng, hoặc dùng cảm quan, tình thức, nghĩ suy, phân biệt mà với tới được. Tự bản chất nó không là gì cả. Nói không là gì cả cũng không phải là không ngờ không có, mà tánh chơn thiết bản lai không phải có không phải không, là như không như có, như hư như thật, không đến, không đi, xuyên suốt, bao trùm, bất biến, không đâu không hiện hữu. Đã nói bất biến sao lại hiện hữu cùng khắp ? Vì bản tánh thường hằng, bất biến nhưng linh diệu, tùy duyên khéo sanh các pháp, như mặt trăng sáng tỏ, tịch lặng chiếu soi mà khiến có muôn vàn bóng trăng trên sóng nước, trên những giọt sương, ao hồ, nước vũng.

Nói không là gì cả, cũng có nghĩa là nó không thuộc về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không phải tứ đại ngũ uẩn, tức những món trói buộc trong nhơn quả. Vì không là gì cả nên cũng không tên, không tuổi, không mặt mày, gốc gác. Có thể gọi nó là "Vô", tức cái "vô" tuyệt đối. Vì tuyệt đối, cũng là không có đối đãi, nên chẳng thể thấy, nghe, hay, biết bằng thế trí,

chứ chẳng phải cái vô của "hữu - vô" tương đối trong như quả nhị nguyên. Bản tánh của nó, tuy nói "Vô" cũng chỉ là một cách gọi, chứ "**vô**" mà **chẳng phải thiệt "không"**, mà như không như có, như thiệt như hư, nên mới có thể từ đó diệu sanh các pháp. Bản tánh nó như thiệt như hư, như không như có, cũng là pháp thân thường trụ .

Một hôm Lục-Tổ Huệ-Năng hỏi đại chúng:

Ta có một vật không đầu không đuôi, không danh, không tự, không lượng không mặt, các người có biết vật chi chăng?

Thần-Hội bước ra bạch : - Vật ấy là nguồn gốc của chư Phật, là Phật tánh của Thần-Hội.

Tổ nói : "Ta đã nói vật không danh không tự, mà người lại gọi là nguồn gốc Phật tánh. Người dù đi tới đâu, có nắm tranh che đầu, cũng chỉ thành một tông đồ trí giải mà thôi.

Chơn Thiên thì vô nhiễm. Không nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhưng trang trải, chan hoà, thông lưu cùng khắp mọi sự vật, mà giác quan, tri thức, tình tưởng không thể nắm bắt. Hay nói ngược lại, chợt khởi niệm tưởng, tình thức, phân biệt thì liền cùng nó chia lìa, ngàn trùng xa cách. Tự dẹp sạch phân biệt, để tâm trở về trạng thái "point mort - số không", tức cái tâm hư, rỗng rang, vắng lặng, thì chơn tánh hiện tiền, thông lưu cùng khắp, mà ngay đó, biết như thật mình cùng nó chẳng phải một, chẳng phải hai cũng không phải khác. Tại chỗ này, tạm mượn từ gọi là chỗ, cái chỗ không chỗ, tuyệt đối, trùm khắp, vượt quá thời-không như quả, biết rõ ràng nói không thể tới. Chợt động môi, suy tính, nghĩ ngợi thì liền cùng nó chia lìa, trăm sai ngàn khác. Thế nên, còn biết thở, còn biết động tay múa chân, nghĩ suy nói nín, thì còn biết như thật, Thiên tồn tại cùng khắp, vượt không gian và thời gian, không đâu không hiện hữu.

Một sự thật đã quá rõ ràng như thế, nhưng không hiểu vì sao, ngay trong thời đại này, vẫn còn có người đem **Thiên ngữ của cổ nhân ra luận bàn, giảng giải, nào là ý thiên như thế này, ý đạo như thế nọ, thậm chí có vị còn đòi vạch ra bộ mặt thật của Tông Thiên cho người ta thấy, thì quả đúng là chuyện siêu hí luận, là hành động rất đáng bị lên án.**

Việc làm ngớ ngẩn ấy, chẳng những không đem lại lợi ích gì cho việc đạt ngộ của người tu học đã đành, mà còn gây **hậu quả khôn lường là chặn đường, bít lối của những người đi sau muốn tu tập theo pháp môn này;** còn đối với bản hoài của đức Phật và Tông chỉ của Tổ sư, ngài Bồ-đề Đạt

ma, thì đó chẳng phải hành động đi ngược lại với Tông-môn, đắc tội với Tổ, Phật ư?

Bởi có sao ? Bởi vì công án Thiền luôn luôn là những lời **khai thị linh hoạt**, sống động, vượt quá ảnh hưởng của không gian và thời gian. Nghĩa là, cũng một công án này mà hàng ngàn người có thể cùng lúc tham học; nhưng **tuỳ căn cơ, trí tuệ, phúc đức của mỗi người mà từng người có được chỗ khai mở nhiệm mầu vi tế khác nhau**, không ai giống ai, nhưng cùng một kết quả, đó là đốn ngộ Phật tánh. Giảng giải công-án Thiền, dù vô tình hay cố ý cũng đều là hành động **giết chết sự sống** của nó, là đốt cháy trí tuệ linh hoạt của người xưa, khiến nó biến thành những **từ ngữ chết**, những cái xác không hồn, vô giá trị đối với người cầu học đã trót lỡ phải nghe những lời giảng giải đó.

Tới đây, người viết bỗng nhớ ra, nếu không lầm thì hình như trong Đạo-Đức kinh, Lão-Tử có dạy "**Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri**", 5▷δ□γ◎⟨↓4□⟨↓ δ□γ◎ 5▷- nghĩa là "**đã thật biết thì không thể nói ra được, còn nói ra được thì không thật biết**". Lời của bậc Thánh nhân chẳng những nói không sai, mà phải nói lại cho đúng, là ngàn đời không sai. Vâng, từ hơn năm trăm năm trước công nguyên tới giờ, nội dung câu nói ấy vẫn còn giữ nguyên giá trị, nhất là đối với Thiền-học, vì đó là chơn lý.

Lời răn dạy nghiêm khắc của bậc thánh nhân ở trên khiến người viết cảm thấy thẹn thùng, ái ngại, vì tự nhận là mình chẳng biết gì nhưng lại trót lỡ lời. Chẳng những nói, mà còn nói nhiều nữa là đằng khác, nói tràn giang đại hải, không đầu không đuôi, làm mất thời giờ quý báu của các bạn đạo. Rất mong những bậc cao minh, đã lỡ ghé mắt vào, lượng thứ cho.

---o0o---
HẾT